

PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU

Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn theo các yêu cầu của:
Việt Nam, Nghị Định số 113/2017/ND-CP, Thông Tư số 32/2017/TT-BCT



Mã số CAS của hóa chất và tên sản phẩm

Số CAS Không có thông tin

Số UN hoặc số ID Không được quy định

EC No (Số thứ tự EU) Không có thông tin

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): NFPA

Nguy cơ sức khỏe

1

Khả Năng Cháy

1

Tính không bền

0

Mối nguy hiểm đặc

biệt

-

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):

Không có thông tin

Ngày Ban Hành 11-Thg4-2023

Ngày Sửa Đổi 11-Thg4-2023

Số Hiệu Bản Sửa Đổi 1.0

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên thường gọi của hóa chất Không có thông tin

Tên thương mại Recycled Ethylene Vinyl Acetate Copolymer (Developmental Product)

Tên khác EVA tái chế

(Các) Mã Sản Phẩm DVR002A

Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ

Nhà cung cấp

Braskem S.A.

Rua Eteno, 1561, Polo Petroquímico de Camaçari

Camaçari, BA, CEP: 42810-000, Brazil

Tel: +55 (71) 3413-3601

Tên nhà sản xuất và địa chỉ

Nhà sản xuất

Không có thông tin

Mục đích sử dụng

Công dụng đề nghị

Các chế phẩm và hợp chất polymer

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

Số điện thoại khẩn cấp

+1 703 527 3887 (CHEMTREC Quốc tế)

Chemtrec (Việt Nam): (+84)-444581938

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

1 GHS Phân loại

Không được phân loại

2 Cảnh báo nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

Không được phân loại

Các hiểm họa khác không dẫn đến phải phân loại

Có thể tạo thành những nồng độ bụi có thể cháy trong không khí

Có thể có hại nếu nuốt phải

Nguy cơ trơn trượt đặc biệt do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm
 Điện tích tĩnh có thể hình thành trong quá trình xử lý
 Ngay cả khi được nối đất và liên kết thích hợp, vật liệu này vẫn có thể tích tụ tĩnh điện
 Nếu tích tụ đủ điện tích, hiện tượng phóng tĩnh điện và sự bất lửa của hỗn hợp hơi-không khí dễ cháy có thể xảy ra

3 Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Tiếp xúc với mắt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Bụi tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng cơ học.
Hít phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Tiếp xúc với bụi có thể bị kích ứng cơ học hoặc khô da.
Ăn phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây kích ứng miệng, họng và dạ dày.
Triệu chứng	Bụi sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Chất

Không áp dụng.

Hỗn hợp

Không được phân loại

Sản phẩm không chứa chất nào được xem là nguy hiểm cho sức khỏe ở nồng độ đã cho của chúng

Tên hóa chất	Số CAS	% trọng lượng
Etylen-Vinyl acetat polyme	24937-78-8	40-60
Copolymer Ethylene Vinyl Acetate tái chế sau tiêu dùng	-	40-60

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

1 Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

Rửa kỹ bằng nhiều nước, rửa cả dưới mí mắt. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.

2 Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Rửa da bằng xà phòng và nước. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi. Sau khi tiếp xúc với sản phẩm nóng chảy, nhanh chóng làm nguội vùng da bằng nước lạnh. Lấy vật liệu nóng chảy đã bị đông đặc ra khỏi da cần phải có sự hỗ trợ của nhân viên y tế. Sau khi tiếp xúc với sản phẩm hoặc bụi:

3 Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí. Cần y tế giúp nếu có các triệu chứng rõ ràng là do hít phải.

4 Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

KHÔNG gây nôn. Súc sạch miệng với nước. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì. Hỏi ý kiến bác sĩ nếu cần. Súc miệng sạch bằng nước và sau đó uống nhiều nước.

5 Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng.

Triệu chứng

Bụi sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.

Tác Dụng của việc Tiếp Xúc

Không có thông tin.

Việc tự bảo vệ của nhân viên sơ cứu Không có thông tin.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

1 Tính chất cháy

Không áp dụng.

2 Sản phẩm cháy nguy hiểm

Các Cacbon oxyt.

3 Các tác nhân gây cháy, nổ hoặc các hiểm họa đặc biệt khác

Tránh phát sinh bụi. Bột mịn phân tán trong không khí có thể sẽ bốc cháy. Các bột, bụi, phoi bào, phoi khoan, phoi tiện hoặc phoi cắt có thể nổ hoặc cháy với sức nổ rất mạnh.

4 Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Chất Chữa Cháy Phù Hợp

CO2, hóa chất khô, cát khô, bột chịu alcol. Xịt hoặc phun sương nước. Sử dụng chất chữa cháy cẩn thận để tránh tạo bụi trong không khí.

Chất chữa cháy không phù hợp

Không sử dụng dòng nước liên tục vì nó có thể gây phát tán và lây lan lửa.

5 Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Nhân viên chữa cháy nên sử dụng thiết bị thở độc lập và trang bị bảo hộ chữa cháy đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân.

6 Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ

Dữ liệu nổ

Độ nhạy với va chạm cơ học Không có.

Độ nhạy với phóng tĩnh điện Có.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

1 Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Tràn đổ nhỏ

Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. Thu gom và thải bỏ. Xem Mục 8 & 13 để biết thêm thông tin.

2 Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Các biện pháp đề phòng cá nhân

Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh phát sinh bụi. Tránh tiếp xúc với mắt. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu. Không hít bụi. LOẠI BỎ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, không pháo sáng hoặc tia lửa hay ngọn lửa trong các khu vực kế cận). Có biện pháp phòng ngừa tích điện.

Các cảnh báo về môi trường

Xem Mục 12 để biết thêm thông tin về Sinh Thái.

Phương pháp ngăn chặn	Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn. Ngăn ngừa bụi.
Các phương pháp làm sạch	Thấm hút bằng vật liệu trơ, ẩm, không cháy sử dụng các dụng cụ làm sạch không gây ra tia lửa để thu gom và cho vào thùng nhựa đậy hờ nắp để thải bỏ sau này. Thu gom và chuyển vào thùng đựng có dán nhãn thích hợp.
Phòng ngừa các nguy cơ thứ cấp	Làm sạch cẩn thận những đồ vật và khu vực bị nhiễm, theo các quy định về môi trường.
Thông tin khác	Tham khảo các biện pháp bảo vệ nêu tại mục 7 và 8.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Bảo đảm thông khí đầy đủ. Tránh phát sinh bụi. Không hít bụi. Tránh tiếp xúc với mắt. Sản phẩm này là chất dẫn điện kém và có thể bị tích tĩnh điện. Khi lượng điện tích đủ lớn, có thể gây bốc cháy các hỗn hợp dễ cháy. Để giảm nguy cơ phóng tĩnh điện, cần thực hiện thủ tục nối điện và tiếp đất đúng kỹ thuật. Bụi trong không khí có thể sẽ dễ nổ. Tránh đọng lại nhiều vật liệu, nhất là trên các bề mặt ngang vì nó có thể bay vào không khí tạo thành các đám bụi có thể cháy và có thể góp phần gây nổ thứ cấp. Các công việc thao tác và xử lý phải tuân theo 'phương pháp thực hành tốt nhất' (ví dụ như NFPA-654).

2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Bảo quản ở nơi khô, mát tránh xa các nguồn nhiệt có thể gặp, ngọn lửa trần, ánh nắng hoặc các hóa chất khác. Giữ kín dụng cụ đựng khi không sử dụng. Cất giữ ở khu vực có hệ thống phun chữa cháy.

Các vật liệu không tương thích Các chất oxy hóa mạnh.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

1 Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

Hướng dẫn về tiếp xúc Sản phẩm này, như khi được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp do các cơ quan quy định riêng của khu vực thiết lập.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp sinh học

Sản phẩm này, như khi được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có các giới hạn sinh học do các cơ quan quy định riêng của khu vực thiết lập.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Bảo đảm điễm rửa mắt và phòng tắm an toàn ở gần nơi làm việc. Bảo đảm thông khí đầy đủ, nhất là ở những khu vực có không gian hạn chế. Bảo đảm các hệ thống xử lý bụi (như ống hút thoát, thiết bị gom bụi, các thùng chứa, và thiết bị xử lý) được thiết kế sao cho ngăn được bụi không để thoát vào nơi làm việc (nghĩa là, không có tình trạng rò rỉ từ thiết bị). Tất cả các thiết bị kiểm soát bụi như hệ thống hút thoát khí tại chỗ và các hệ thống vận chuyển vật liệu dùng trong việc xử lý sản phẩm này nên có các lỗ thông giảm nổ hoặc một hệ thống ức chế nổ hay sử dụng môi trường thiếu oxy.

2 Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Phương tiện bảo vệ mắt/mặt Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ). Trong khi xử lý nóng: Kính bảo hộ an toàn kín khí. Nếu có nguy cơ bị tiếp xúc: Kính che mặt.

Bảo vệ da và cơ thể Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp. Quần dài và áo dài tay. Giày hoặc ủng bảo hộ. Trong khi xử lý nóng:

Phương tiện bảo vệ tay Đeo găng tay thích hợp. Nên đeo găng tay chịu nhiệt khi thao tác với các vật liệu nóng chảy.

Phương tiện bảo vệ đường hô hấp Không cần sử dụng trang bị bảo hộ trong điều kiện sử dụng bình thường. Nếu vượt quá các giới hạn tiếp xúc hoặc bị kích ứng, có thể cần phải thông khí và sơ tán. Khi công nhân gặp phải những nồng độ cao hơn giới hạn tiếp xúc họ phải sử dụng thiết bị thở được chứng nhận phù hợp. Trong trường hợp thiếu thông khí, sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Phải tuân thủ quy trình bảo vệ hô hấp phù hợp với tất cả các quy định hiện hành mỗi khi điều kiện nơi làm việc yêu cầu sử dụng mặt nạ phòng độc.

3 Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Nên sử dụng thêm trang bị bảo hộ như bộ quần áo, ủng và kính che mặt chống hóa chất tùy theo công việc được thực hiện.

4 Các Biện Pháp Vệ Sinh

Xem xét về vệ sinh tổng thể

Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Không hít bụi. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng. Nên thường xuyên làm sạch thiết bị, khu vực và quần áo.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Ngoại quan	Viên
Trạng thái vật lý	Rắn
Màu	Be
Mùi	Không có thông tin
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin

Tính chất

pH	
Điểm chảy / điểm đông	
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	
Điểm chớp cháy	
Tốc độ bay hơi	
Khả Năng Cháy	
Giới Hạn Cháy trong Không Khí	
Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ trên	
Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ dưới	
Áp suất hơi	
Tỷ trọng hơi	
Tỷ trọng tương đối	
Độ tan trong nước	
Độ tan trong các dung môi khác	
Hệ số phân tách	
Nhiệt độ tự bốc cháy	
Nhiệt độ phân hủy	
Độ nhớt động học	
Độ nhớt động lực học	

Giá trị

Nhân Xét • Phương pháp

Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu
Không có dữ liệu

Thông tin khác

Tính chất nổ	Không có thông tin.
Tính chất oxy hóa	Không có thông tin.
Điểm hóa mềm	Không có thông tin
Trọng lượng phân tử	Không có thông tin
Nồng độ Chất Hữu Cơ Bay Hơi	Không có thông tin
Tỷ Trọng Chất Lỏng	Không có thông tin
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin

PHẦN 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

1 Độ bền

Bền trong các điều kiện thông thường.

2 Khả năng hoạt động của hóa chất

Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại

Các sản phẩm phân hủy phụ thuộc vào nhiệt độ, tiếp xúc với không khí và sự có mặt của các chất khác, Quá trình xử lý có thể giải phóng khói khó chịu, hợp chất olefinic và parafin, cacbon monoxit và cacbon dioxit, Các sản phẩm phân hủy nhiệt tiềm năng bao gồm vết andehit (kể cả formaldehit), rượu, axit hữu cơ và hydrocarbon.

Khả năng gây ra các phản ứng nguy hại

Phản ứng dữ dội với flo.

Các vật liệu không tương thích

Các chất oxy hóa mạnh.

Các tình trạng cần tránh

Nhiệt quá mức. Nóng lên trong không khí. Tạo thành bụi.

Polyme hóa gây nguy hiểm

Không có trong điều kiện xử lý bình thường.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Thông Tin Về Sản Phẩm

Hít phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Tiếp xúc với mắt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Bụi tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng cơ học.
Tiếp xúc với da	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Tiếp xúc với bụi có thể bị kích ứng cơ học hoặc khô da.
Ăn phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể của chất hoặc hỗn hợp. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây kích ứng miệng, họng và dạ dày.

Các triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học, và độc

Triệu chứng	Bụi sản phẩm có thể gây kích ứng mắt, da và hệ hô hấp.
--------------------	--

Độc tính cấp tính

Các số đo độc tính	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại
---------------------------	---

1 Các ảnh hưởng mãn tính với người

Ăn mòn/kích ứng da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Tổn thương nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Nhạy hô hấp hoặc da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Đột biến tế bào mầm	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Khả năng gây ung thư	Không có thông tin.

Độc tính sinh sản	Sản phẩm này không chứa bất kỳ nguy cơ nào đã biết hoặc nghi ngờ cho chức năng sinh sản.
STOT - tiếp xúc một lần	Không có thành phần nào được biết là có thể gây ra các tác động đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Không có thành phần nào được biết là có thể gây ra các tác động đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại.
2 Các ảnh hưởng độc khác	
Nguy hại hô hấp	Không có thành phần nào được biết là nguy cơ hô hấp.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

1 Độc tính với sinh vật

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

2 Tác động môi trường

Độ bền vững và độ phân hủy

Không có thông tin.

Tích lũy sinh học

Không có thông tin.

Tính di động trong đất

Không có thông tin.

Khả năng di chuyển

Không có thông tin.

Các tác động có hại khác

Không có thông tin.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ

1 Yêu cầu trong việc thải bỏ

Chú thích về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2 Xếp loại nguy hiểm của chất thải

Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về ngưỡng chất thải nguy hại

Không áp dụng.

3 Các biện pháp xử lý chất thải

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Thải bỏ theo quy định của địa phương. Thải bỏ chất thải theo luật môi trường.

4 Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

Bao bì đã bị nhiễm

Không xả xuống cống rãnh. Không vứt cùng rác thải sinh hoạt. Không cho xâm nhập vào nước bề mặt hoặc cống rãnh.

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

IMDG	Không được quy định
IATA	Không được quy định
ADR	Không được quy định

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật

1 Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới

Liên hệ nhà cung cấp để biết thông tin về tình trạng tuân thủ danh mục

2 Phân loại nguy hiểm theo quốc gia

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): NFPA			
<u>Nguy cơ sức khỏe</u>	<u>Khả Năng Cháy</u>	<u>Tính không bền</u>	<u>Mối nguy hiểm đặc biệt</u>
1	1	0	-

Ngự Định Thư Montreal về các chất Tiêu Hủy tầng Ozone Không áp dụng

Hiệp Ước Stockholm về Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Bền Không áp dụng

Hiệp Ước Rotterdam Không áp dụng

3 Đạt quy chuẩn kỹ thuật

Các quy định được áp dụng: Không tìm thấy thông tin nào có thể áp dụng

PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn

Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Ngày Ban Hành 11-Thg4-2023

Ngày Sửa Đổi 11-Thg4-2023

Chú Thích về Sửa Đổi Phóng Thích Lần Đầu.

Giải thích hoặc chú thích các từ viết tắt sử dụng trong bản thông tin an toàn

IMDG	Quy Định Quốc Tế về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Hóa Gây Nguy Hiểm (IMDG)
IATA	Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế (IATA)
ADR	Hiệp Ước Châu Âu về Vận Chuyển Quốc Tế Hàng Nguy Hiểm theo Đường Bộ
NFPA	Hội Phòng Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia (NFPA), Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ

Chú giải Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

TWA	TWA (mức trung bình theo thời gian)	STEL	STEL (Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn)
-----	-------------------------------------	------	-----------------------------------

Trần Giá trị giới hạn tối đa * Xếp loại da

Tài liệu tham khảo và nguồn dữ liệu chính dùng để biên soạn Phiếu An Toàn Hóa Chất

Cơ Sở Dữ Liệu ChemView của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ
Cơ Quan An Toàn Thực Phẩm Châu Âu (EFSA)
EPA (Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường)
(Các) Mức Tiếp Xúc Cấp Tính theo Hướng Dẫn (AEGL)
Đạo Luật của Liên Bang về Thuốc Trừ Sâu, Thuốc Diệt Nấm, và Thuốc Diệt Loài Gặm Nhấm của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ
Hóa Chất Có Khối Lượng Sản Xuất Lớn của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ
Tạp Chí Nghiên Cứu Thực Phẩm (Food Research Journal)
Cơ Sở Dữ Liệu Chất Nguy Hiểm
Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID)
Phân Loại GHS Của Nhật Bản
Chương Trình Quốc Gia về Đánh Giá và Khai Báo Hóa Chất Công Nghiệp của Úc (NICNAS)
NIOSH (Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp)
ChemID Plus của Viện Y Học Quốc Gia (NLM CIP)
Chương Trình Chất Độc Quốc Gia (NTP)
Cơ Sở Dữ Liệu về Phân Loại và Thông Tin Hóa Chất của New Zealand (CCID)
Các Ấn Phẩm về Môi Trường, Sức Khỏe, và An Toàn của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
Chương Trình Hóa Chất Có Khối Lượng Sản Xuất Lớn của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
Bộ Dữ Liệu Thông Tin Sàng Lọc (SIDS) của Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế
Tổ Chức Y Tế Thế Giới

Tuyên bố miễn trách

Thông tin cung cấp trong Phiếu An Toàn Hóa Chất này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp này chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn